

福星制衣越南廠 制衣工程 IE 出數核定流程表

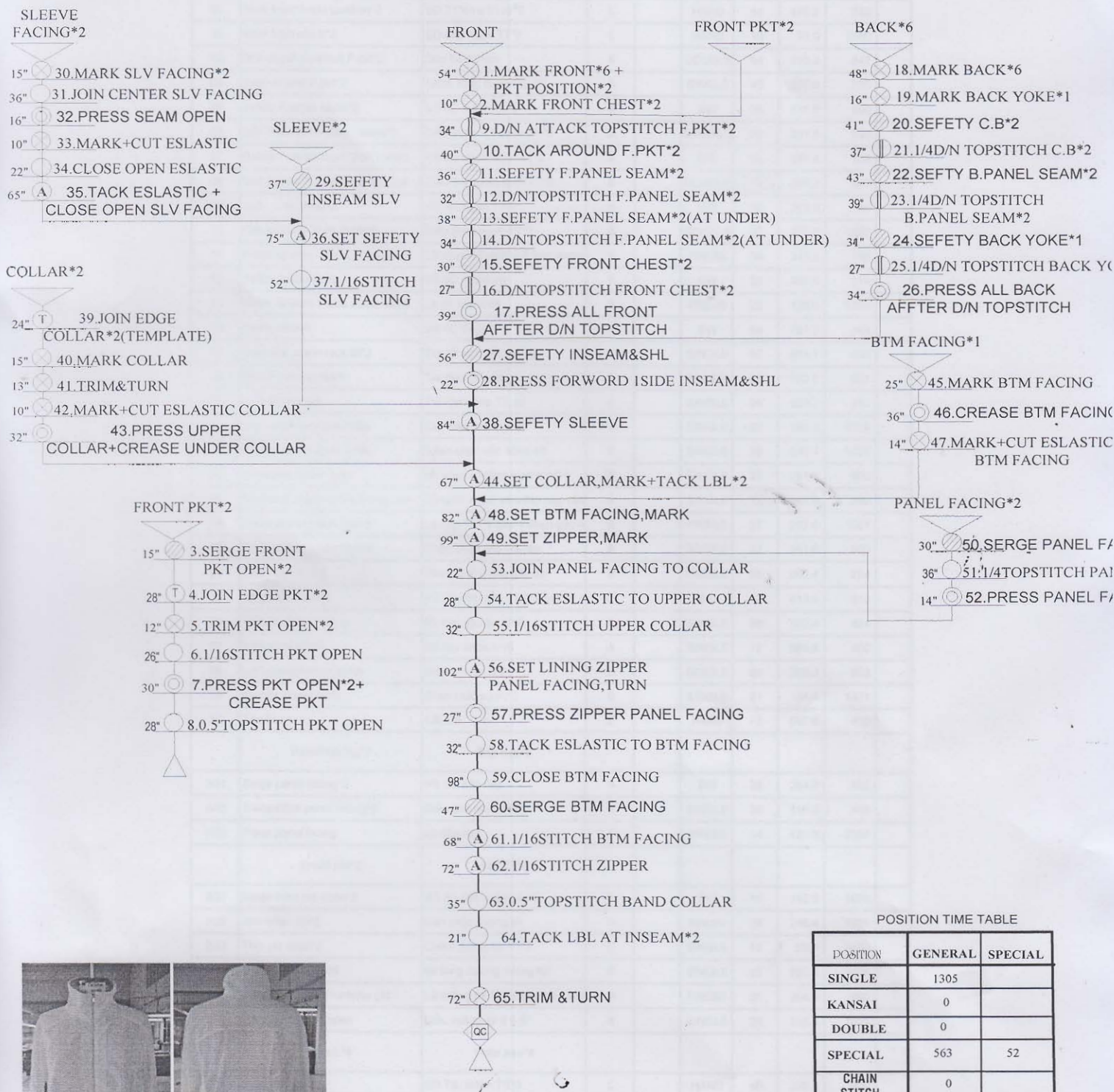
1. 由越南廠的 IE 人員，依據上線款式，製作工程表及時間初估表。
2. 經越南廠生產部會商研究後，由生產主管提出效率建議與工程改善說明。並簽字
3. 經越南廠總經理核實後，將文件呈送臺北公司做最後核可。
4. 依臺北公司核可之 IE 數據後，作為越南廠的效率評估與績效獎金標準。

款式: G16-046J	款式說明 LADIE JACKET 订单 2305	制表人: HUONG	日期: 2016/03/09	文件編號:
參考雷同款:			照片 	
生產車縫時間:2420	特車組時間:52	總時間: 2472		
生產出數: 11.9	特車組出數:553.8	IE 總出數: 11.65		

PPIC 主管:

廖 3/9

NO.	DESCRIPTION	UNIT	QTY	UNIT PRICE	TOTAL
1	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
2	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
3	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
4	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
5	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
6	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
7	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
8	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
9	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
10	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
11	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
12	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
13	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
14	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
15	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
16	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
17	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
18	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
19	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
20	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
21	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
22	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
23	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
24	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
25	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
26	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
27	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
28	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
29	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
30	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
31	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
32	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
33	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
34	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
35	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
36	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
37	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
38	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
39	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
40	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
41	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
42	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
43	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
44	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
45	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
46	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
47	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
48	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
49	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
50	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
51	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
52	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
53	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
54	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
55	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
56	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
57	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
58	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
59	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
60	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
61	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
62	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
63	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
64	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
65	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
66	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
67	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
68	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
69	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
70	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
71	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
72	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
73	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
74	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
75	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
76	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
77	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
78	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
79	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
80	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
81	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
82	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
83	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
84	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
85	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
86	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
87	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
88	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
89	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
90	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
91	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
92	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
93	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
94	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
95	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
96	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
97	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
98	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
99	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00
100	100% COTTON	KG	100	1.50	150.00

FLOW CHART OF G16-046J

POSITION TIME TABLE

POSITION	GENERAL	SPECIAL
SINGLE	1305	
KANSAI	0	
DOUBLE	0	
SPECIAL	563	52
CHAIN STITCH	0	
PRESS	250	
HAND	302	0
AMOUNT	2420	52
OUTPUT PCS	11.9	553.8
TOTAL TIME	2472	TOTAL OUTPUT 11.65

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

STYLE NO: AP16-046J

TAIPEI IE OUTPUT:

DATE: 2016/03/09

VN IE OUTPUT: 11.90

# step Mã công đoạn	Step name Tên công đoạn		Grade Cấp	合縫記 號	使用機器	time Thời gian	price Đơn giá	out put Sân lượng	使用 配件 及其他
		<i>Thân trước, mẫu chính</i>							
01	Mark front*6+pkt position*2	SD TT*6+vị trí túi*2	C		HAND	54	448.2	533	
02	Mark front chest*2	SD đáp ngực TT*2	C		HAND	10	83.0	2880	
03	D/N attach topstitch F.pkt*2	Dán túi tt 2kim	B		DOUBLE	34	299.2	847	
04	Tack around F.pkt*2	Ghim xung quanh túi TT	B		SINGLE	40	352.0	720	
05	Safety F.panel seam*2	VS 5C sườn TT*2	B		SW	36	316.8	800	
06	D/N Topstitch F.panel seam*2	Điều sườn TT 2kim 1/4*2	B		DOUBLE	32	281.6	900	
07	Safety F.panel seam*2(at under)	VS 5C sườn dưới TT*2	B		SW	38	334.4	758	
08	D/N Topstitch F.panel seam*2(at u	Điều 1/4 sườn dưới TT*2	B		DOUBLE	34	299.2	847	
09	Sefty front chest*2	VS 5C ngực TT*2	B		SW	30	264.0	960	
10	D/N topstitch front chest*2	Điều 2kim ngực TT*2	B		DOUBLE	27	237.6	1067	
11	Press all front after D/N topstitch	Là ngực TT+sườn tt trên,sườn	B		PRESS	39	343.2	738	
12	Safety inseam&shl	VS 5C sườn,vai	B		SW	56	492.8	514	
13	Press forward 1 side inseam&shl	Là lật sườn,vai	B		PRESS	22	193.6	1309	
14	Safety sleeve	VS 5C tra tay	A		SW	84	781.2	343	
15	Set collar,mark+tack lbl*2	Tra cổ,sd,ghim móc*2	A		SINGLE	67	623.1	430	
16	Set btm facing,mark	Tra đáp gấu,sd	A		SINGLE	82	762.6	351	
17	Set zipper,mark	Tra khóa nẹp TT,sd	A		SINGLE	99	920.7	291	
18	Join panel facing to collar	Cán đáp nẹp vào cổ	B		SINGLE	22	193.6	1309	
19	Tack elastic upper collar	Ghim chun vào sống cổ	B		SINGLE	28	246.4	1029	
20	1/16stitch upper collar	Mí sống cổ tăng cường 1/16	B		SINGLE	32	281.6	900	
21	Set lining zipper panel facing,turn	Lồng lót khóa, cán đáp nẹp vào	A		SINGLE	102	948.6	282	
22	Press zipper panel facing	Là nẹp TT+là gấp 1 đoạn gấu n	B		PRESS	27	237.6	1067	
23	Tack elastic to btm facing	Chặn chun vào gấu áo	B		SINGLE	32	281.6	900	
24	Close btm facing	Ghim miệng đáp gấu áo	B		SINGLE	98	862.4	294	
25	Serge btm facing	VS 3C đáp gấu áo+2 bên đáp n	B		SW	47	413.6	613	
26	1/16stitch btm facing	Mí đáp gấu áo 1/16	A		SINGLE	68	632.4	424	
27	1/16stitch zipper	Mí nẹp khóa 1/16	A		SINGLE	72	669.6	400	
28	0.5"topstitch band collar	Điều bản cổ 0.5"	B		SINGLE	35	308.0	823	
29	Taci lbl at inseam*2	Ghim móc sườn*2	B		SINGLE	21	184.8	1371	
XZ	Trim&turn	Cắt chỉ	C		HAND	72	597.6	400	
	Panel facing*2	Đáp nẹp*2							
A01	Serge panel facing*2	VS 3C đáp nẹp	B		SW	30	264.0	960	
A02	1/4topstitch panel facing*2	Điều đáp nẹp 1/4*2	B		SINGLE	36	316.8	800	
A03	Press panel facing	Là đáp nẹp	B		PRESS	14	123.2	2057	
	Front pkt*2	Túi TT*2							
B01	Serge front pkt open*2	VS 3C đáp miệng túi*2	B		SW	15	132.0	1920	
B02	Join edge pkt*2	Cán chập miệng túi	B		Special	28	246.4	1029	
B03	Trim pkt open*2	Chém miệng túi TT*2	C		SINGLE	12	99.6	2400	
B04	1/16stitch pkt open	Mí tăng cường miệng túi	B		SINGLE	26	228.8	1108	
B05	Press pkt open*2+crease pkt	Là miệng túi TT, là gấp túi 1 bên	B		PRESS	30	264.0	960	
B06	0.5"topstitch pkt open	Điều miệng túi tt 0.5"	B		SINGLE	28	246.4	1029	
	Back *6	Thân sau*6							
C01	Mark back*5	SD TS, sườn TS*5	C		HAND	48	398.4	600	
C02	Mark back yoke*1	SD đáp ngực TS*1	C		HAND	16	132.8	1800	
C03	Safety C.B*2	VS 5C giữa TS*2	B		SW	41	360.8	702	
C04	1/4 D/N topstitch C.B*2	Điều giữa TS 2kim 1/4*2	B		DOUBLE	37	325.6	778	
C05	Safety B.panel seam*2	VS 5C sườn TS*2	B		SW	43	378.4	670	
C06	1/4D/N topstitch B.panel seam*2	Điều 2kim sườn TS*2	B		DOUBLE	39	343.2	738	
C07	Safety back yoke*1	VS 5C đáp ngực TS	B		SW	31	272.8	929	
C08	1/4D/N topstitch back yoke	Điều 2kim 1/4 đáp ngực TS	B		DOUBLE	27	237.6	1067	
C09	Press all back after D/N topstitch	Là giữa sau,sườn sau,đáp ngực	B		PRESS	34	299.2	847	

40.7

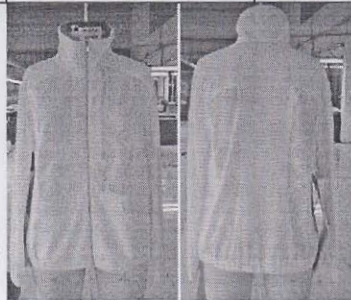
30.9

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

STYLE NO: AP16-046J
DATE: 2016/03/09

TAIPEI IE OUTPUT:
VN IE OUTPUT: 11.90

# step Mã công đoạn	Step name Tên công đoạn		Grade Cấp	合縫記 號	使用機器	time Thời gian	price Đơn giá	out put Sàn lượng	使用 配件 及其他
	Sleeve facing*2	Đáp gấu tay*2							
D01	Mark slv facing*2	SD đáp gấu tay	C		HAND	15	124.5	1920	
D02	Join center slv facing	Cán giữa đáp gấu tay	B		SINGLE	36	316.8	800	
D03	Press seam open	Là rẽ giữa đáp gấu tay	B		PRESS	16	140.8	1800	
D04	Mark+cut elastic	sd+cắt chun đáp gấu tay	C		HAND	10	83.0	2880	
D05	Close elastic	Chặn chun đáp gấu tay	B		SINGLE	22	193.6	1309	
D06	Tack elastic+close open slv facing	Đặt chun+ghim miệng đáp gấu tay	A		SINGLE	65	604.5	443	
	Sleeve*2	Tay*2							
E01	Safety inseam slv	VS 5C bụng tay*2	B		SW	37	325.6	778	
E02	Set Safety slv facing	Tra đáp gấu tay VS 5C	A		SW	75	697.5	384	
E03	1/16stitch slv facing	Mì đáp gấu tay 1/16	B		SINGLE	52	457.6	554	
	btm facing	Đáp gấu*1							
F01	Mark btm facing	SD đáp gấu*1	C		HAND	25	207.5	1152	
F02	Cresae btm facing	Là gập đáp gấu	B		PRESS	36	316.8	800	
F03	Mark+cut elastic btm facing	sd cắt chun gấu áo, cut	B		HAND	14	123.2	2057	
	Collar*2	Cổ*2							
G01	Join edge collar*2(template)	Cán chập sống cổ, (theo mẫu)	B		SPECIAL	24	211.2	1200	
G02	Mark collar	SD bản cổ	C		HAND	15	124.5	1920	
G03	Trim&turn	Chém sống cổ	B		HAND	13	114.4	2215	
G04	Mark+cut elastic collar	sd+cắt chun cổ	C		HAND	10	83.0	2880	
G05	Press upper collar+crease under collar	Là sống cổ, gập cổ 1 bên	B		PRESS	32	281.6	900	
TOTAL						2472	21967.1	11.65	



Position	GENERAL	SPECIAL			
single	1305				
Kansai	0				
special	563	52			
Chain stitch	0				
press	250				
hand	302	0			
amount	2420	52			
output pcs	11.90	553.8			
total time	2472		total output		11.65

製表人: Huong